TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 555/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024 về việc "tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-DS ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-DS ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn L được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày***:

Nguyên giữa ông N và ông L có quan hệ quen biết, ông N làm công cho ông L, ông L làm chủ; giữa ông N với ông L không có hợp đồng lao động mà chỉ thỏa thuận miệng, làm công tính theo ngày. Ông L là thầu xây dựng công trình, khoảng tháng 07/2021 ông L có thuê ông N làm công trình điện nước cho ông L. Khi ông N làm xong công việc thì tổng số tiền ông L còn nợ lại ông N là 15.750.000 đồng. Vì là chỗ quen biết nên giữa ông N và ông L không lập giấy tờ gì, chỉ có tin nhắn xác nhận nợ và hứa trả nợ từ Zalo của ông L với tên "Lai" sang số Zalo của ông N tên "Cậu hai nhà họ nguyễn". Sau một thời gian, ông N nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L cứ hẹn lần, hẹn lượt kéo dài thời gian cho đến nay không thực hiện. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông L thanh toán số tiền còn nợ là 15.750.000 đồng, yêu cầu trả hết một lần.

- *Chứng cứ nguyên đơn ông N cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 31/7/2024 của ông N (bản gốc); Bản tự khai ngày 31/7/2024 của ông N (bản gốc); Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa hai bên (bản sao); Biên bản lấy lời khai đối với ông N ngày 07/11/2024.

**** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn L***:

Tại Bản tự khai ngày 06/11/2024 của ông L thể hiện: Ông L có địa chỉ cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trước đây ông L có thầu xây dựng công trình, vào khoảng tháng 7/2021 ông L có thuê ông N làm công trình điện nước cho ông L và sau đó ông L có chốt lại bằng tin nhắn Zalo còn nợ lại ông N số tiền 15.750.000 đồng. Trong thời gian hai năm, ông N làm thuê cho ông L thì vợ chồng ông L xem ông N như con nuôi và cho ông N ăn ở miễn phí tại nhà ông L, ông N cũng không phụ tiền sinh hoạt hàng tháng cho ông L.

Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc ông L thanh toán số tiền 15.750.000 đồng thì ông L không đồng ý và có ý kiến xem như số tiền đó cấn trừ vào tiền ăn ở, điện nước sinh hoạt. Hiện, ông L bận đi làm và không chấp nhận thái độ của ông N nên không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Chứng cứ bị đơn ông L cung cấp*: Bản tự khai ngày 06/11/2024 của ông L (bản gốc).

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông L được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp hợp đồng dịch vụ". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ

sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông N có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông L được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[2] Xem xét đơn khởi kiện ngày 31/7/2024 và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông N cung cấp thì ông N khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông L thanh toán số tiền còn nợ từ việc ông N thực hiện dịch vụ thi công điện nước công trình cho ông L với số tiền là 15.750.000 đồng. Bản tự khai ngày 16/11/2024 của ông L thể hiện ông L có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Xét thấy, bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng dịch vụ". Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Ông N yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền còn nợ từ việc ông N thực hiện dịch vụ thi công điện nước công trình cho ông L với số tiền là 15.750.000 đồng. Tại Bản tự khai ngày 06/11/2024 của ông L thừa nhận còn nợ lại ông N số tiền 15.750.000 đồng. Ông L cho rằng, trong thời gian ông N làm công cho ông L thì ông N ăn ở miễn phí tại nhà ông L, ông N cũng không phụ tiền sinh hoạt hàng tháng cho ông L nên ông L không đồng ý thanh toán tiền nợ và có ý kiến xem như số tiền đó cấn trừ vào tiền ăn ở, điện nước sinh hoạt của ông N. Quá trình tố tụng, ông L không cung cấp chứng cứ thể hiện việc thỏa thuận cấn trừ tiền nợ với tiền ăn ở, điện nước sinh hoạt của ông N nên ý kiến của ông L không được chấp nhận.

Theo quy định tại các Điều 166, 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông L đã thanh toán số tiền nợ 15.750.000 đồng cho ông N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 166, 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng dịch vụ" của ông Nguyễn Thanh N đối với ông Nguyễn Văn L.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh N số tiền còn nợ là 15.750.000 đồng (*mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 787.500 đồng *(bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).*

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 393.750 đồng (*ba trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000567 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng